

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 400/2019/DS-PT

Ngày: 10/5/2019.

*V/v “tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn; tranh
chấp HĐ vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan

Bà Trần Thị Lệ Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 10/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2019/TLPT-DS ngày 12/3/2019 về “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1263/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1901/2019/QĐPT-DS ngày 22/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngô Thị Thanh T, sinh năm 1971

Địa chỉ: A, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở: D, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Liêu Tuấn K, sinh năm 1968

Địa chỉ: A, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hà Nhi - Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Hà Nhi thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Liêu Ngọc Uyên T1, sinh năm 1994

- Bà Liêu Ngọc Ý N, sinh năm 1997

- Trẻ Liêu Quốc T2, sinh năm 2003

(Người đại diện theo pháp luật của trẻ Liêu Quốc T2 là bà Ngô Thị Thanh T)

Cùng địa chỉ: A, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng chỗ ở: D, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín

Trụ sở: 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Võ Thị N1, sinh năm 1946

Địa chỉ: D, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng: Bà Ngô Thị Ngọc M, sinh năm 1984

Địa chỉ: D, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Liêu Tuấn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Ngô Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông K chung sống và kết hôn năm 1993, đã ly hôn theo Quyết định số 904/2012/QĐST-HNGĐ ngày 05/12/2012 của TAND Quận 12, theo đó tài sản chung tự thỏa thuận. Trong quá trình chung sống trước đây bà và ông K có tài sản chung là nhà đất thuộc thửa đất số 400-17, tờ bản đồ số 4K, diện tích đất là 129,4m², diện tích xây dựng là 89,5m², kết cấu nhà tường gạch, mái tôn tại địa chỉ số A, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là nhà đất A). Nguồn gốc đất là do bố mẹ ông K cho hai vợ chồng năm 1998, sau đó cả hai xây nhà cấp 4 trên mảnh đất này. Năm 2004 bà và ông K được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 12099 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2004. Nay bà khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất A và đồng ý giao nhà đất A cho ông K sử dụng và ông K có trách nhiệm thanh toán lại cho bà ½ giá trị nhà đất A.

Đối với số nợ 300.000.000 đồng còn lại vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gò Vấp (nay là CN Quận 12) - PGD Chợ Cầu (gọi tắt là Sacombank) đã tắt toán nợ xong, nên bà rút yêu cầu khởi kiện.

Đối với yêu cầu độc lập của bà N1 yêu cầu một mình ông K có trách nhiệm trả số tiền 250.000.000 đồng, bà đồng ý.

Bà đồng ý với kết quả định giá ngày 10/5/2017 với tổng giá trị nhà đất A là 5.340.724.535 đồng. Bà tự nguyện chịu các chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông Liêu Tuấn K trình bày:

Nhà đất C110B có nguồn gốc là của bà Phạm Thị T3 (gồm 01 căn nhà và 350m² đất), tháng 5/1989 bà T3 chuyển nhượng cho bà Liêu Ngọc L. Cuối năm 1989 bà L tặng cho ông Liêu Văn T4, bà Trần Thị C. Năm 1998, ông T3, bà C cho ông một phần đất có diện tích khoảng 100m² trong tổng diện tích nêu trên. Tháng 6/1998 ông và bà T xây nhà cấp bốn trên diện tích đất này. Năm 2004 do quy định cấp giấy chứng nhận phải đứng tên hai vợ chồng và không am hiểu pháp luật nên ông mới làm thủ tục để tên cả hai vợ chồng trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 12099 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2004. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc chia nhà đất A vì đây là tài sản của cha mẹ cho riêng ông. Nếu bà T không tranh chấp về nhà đất này thì ông tự nguyện hỗ trợ bà T 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Võ Thị N1 buộc ông trả 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Ông thừa nhận có viết giấy tay mượn tiền ngày 01/3/2011 vì lúc đó đang là vợ chồng, tin tưởng nên bà T kêu viết thì ông viết chứ ông không nhận và sử dụng số tiền trên, nên không đồng ý trả.

Đối với số nợ Sacombank ông thừa nhận sự việc bà T trình bày đúng, bà T rút yêu cầu khởi kiện, ông cũng đồng ý.

Ông đồng ý với kết quả định giá ngày 10/5/2017 với tổng giá trị nhà đất A là 5.340.724.535 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Võ Thị N1 trình bày:

Do bà T và ông K cần tiền làm ăn nên ngày 01/3/2011 bà đã cho ông K, bà T vay 500.000.000 đồng, thời hạn 05 năm, không tính lãi. Sau khi ông K viết “Giấy tay mượn tiền” ngày 01/3/2011 bà đã giao tiền mặt cho hai vợ chồng tại nhà của bà. Nay bà yêu cầu một mình ông K phải trả cho bà 250.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín trình bày:

Ngày 26/10/2011 ông Liêu Tuấn K và bà Ngô Thị Thanh T có thể chấp nhà đất A cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi Nhánh Gò Vấp (nay là Chi nhánh Quận 12) - PGD Chợ Cầu (gọi tắt là Sacombank) để vay khoản tiền 500.000.000 đồng. Đến ngày 27/10/2018, ông K và bà T đã

thanh toán toàn bộ dư nợ cho Sacombank. Sau khi thỏa thuận, do chính sách cấp tín dụng hiện hành thì Sacombank tạm giữ những giấy tờ bản chính liên quan đến bất động sản C110B gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Thông báo nộp lệ phí trước bạ ngày 27/12/2004, Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 27/12/2004, bản vẽ ngày 27/12/2004 cho đến khi hai bên cùng lên nhận tài sản trên hoặc khi có quyết định của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Liêu Ngọc Uyên T1 trình bày:

Bà là con của ông K và bà T. Về việc tranh chấp của bà T và ông K bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng - bà Ngô Thị Ngọc M trình bày:

Bà chứng kiến việc ông K, bà T ghi giấy mượn tiền và nhận tiền của bà N1 và bà có ký tên, ghi họ tên tại phần người làm chứng trên “Giấy tay mượn tiền” ngày 01/3/2011. Bà khẳng định những gì bà N1 trình bày là đúng, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của bà N1 theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 1263/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12 đã quyết định:

“1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tuyên xử:

1.1. Xác định nhà đất thuộc thửa đất số 400-17, tờ bản đồ số 4K (sơ đồ nền), diện tích đất là 129,4 m², diện tích xây dựng là 89,5 m², kết cấu nhà: tường gạch, mái tôn tại địa chỉ A, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 12099 được Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2004 là tài sản chung của bà Ngô Thị Thanh T và ông Liêu Tuấn K.

1.2. Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp (nay là Chi nhánh Quận 12) - Phòng giao dịch Chợ Cầu phải giao nộp cho Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật 04 giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 12099 được Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2004 mang tên ông Liêu Tuấn K và bà Ngô Thị Thanh T (bản chính);

- Thông báo nộp lệ phí trước bạ ngày 27/12/2004 (bản chính);

- Thông báo về nộp tiền sử dụng đất ngày 27/12/2004 (bản chính);

- Bản vẽ ngày 27/12/2004 (bản chính).

1.3. Buộc ông Liêu Tuấn K phải hoàn trả bằng tiền cho bà Ngô Thị Thanh T số tiền tương đương với 4/10 giá trị nhà đất theo quyết định tại Mục 1.1 nêu trên là 2.136.289.814 (hai tỷ một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi chín ngàn tám trăm mười bốn) đồng.

Kể từ ngày bà Ngô Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Liêu Tuấn K chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4. Ông Liêu Tuấn K được quyền sở hữu toàn bộ nhà gắn liền với đất tại địa chỉ A, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Mục 1.1 nêu trên sau khi đã thanh toán cho bà T số tiền theo quyết định tại Mục 1.3 nêu trên.

Ông Liêu Tuấn K được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất nêu trên.

1.5. Buộc ông Liêu Tuấn K phải trả cho bà Võ Thị N1 số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Võ Thị N1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Liêu Tuấn K chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015

Việc thực hiện các phần nội dung của quyết định nêu trên được thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Buộc bà Ngô Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự có giá ngạch là 74.725.796 (bảy mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm chín mươi sáu) đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 31.500.000 (ba mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2014/0006554 ngày 09/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thị Thanh T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.225.796 (bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm chín mươi sáu) đồng.

2.2. Buộc ông Liêu Tuấn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 108.588.694 (một trăm lẻ tám triệu năm trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi bốn) đồng.

2.3. Trả lại cho bà Võ Thị N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số AA/2016/0023134 ngày 04/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án”.

Ngày 07/12/2018, bị đơn - ông Liêu Tuấn K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, vì không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Ngô Thị Thanh T trình bày: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Liêu Tuấn K trình bày: Ông không đồng ý nhà đất A là tài sản chung của vợ chồng, nhưng đồng ý chia cho bà T 3/10 giá trị nhà đất A, ông được hưởng 7/10 giá trị nhà đất A. Về số nợ bà N1 ông không đồng ý trả.

Bà Liêu Ngọc Uyên T1 trình bày: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trẻ Liêu Quốc T2 (có bà Ngô Thị Thanh T đại diện) trình bày: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Ngô Thị Ngọc M trình bày: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

- Nguồn gốc đất tại thửa số 400-17 tờ bản đồ 4K là của ông Liêu Văn Triều và bà Trần Thị Cúc cho riêng ông K năm 1998. Sau đó, ông K xây dựng một căn nhà cấp 4 và gia đình ở trên phần đất này. Đến năm 2004 thì ông K xin hợp thức hoá giấy tờ nhà đất đứng tên ông K và bà T. Việc bà T có tên trong Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở là do khi làm thủ tục cán bộ địa chính Phường yêu cầu là theo quy định của pháp luật thì phải ghi tên cả vợ và chồng vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận thì mới hợp lệ, chứ không phải ý chí của ông K là gộp vào tài sản chung, nên nhà đất C110B không phải là tài sản tạo lập trong thời kì hôn nhân giữa ông K và bà T, nên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà T hưởng 04/10 phần giá trị nhà đất là không có cơ sở pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông K đồng ý chia cho bà T 3/10 giá trị nhà đất A và ông K hưởng 7/10 giá trị nhà đất A.

- Về yêu cầu độc lập của bà Võ Thị N1 yêu cầu ông K trả lại 250.000.000 đồng là không có căn cứ pháp luật. Ông K khẳng định đây là giấy nợ giả tạo mà bà N1 và bà T đã lợi dụng sự tin tưởng của ông K để ông K ký vào giấy nợ này, chứ thực tế là không có mượn nợ và ông K cũng không có nhận khoản tiền này, nên không đồng ý trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất A là tài sản chung của ông K và bà T là đúng. Tuy nhiên xét thấy ông K là người có công sức đóng góp nhiều hơn, tại phiên tòa hôm nay ông K cũng đồng ý chia cho bà T hưởng 3/10 giá trị, ông K hưởng 7/10 giá trị là có căn cứ, nên đề nghị chấp nhận.

+ Đối với số nợ 250.000.000 đồng của bà N1, đây là số nợ chung của vợ chồng nên phải buộc ông K và bà T cùng có trách nhiệm liên đới trả số nợ trên cho bà N1.

+ Đối với số nợ 300.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín thì vào ngày 30/5/2017 bà T đã rút yêu cầu khởi kiện, ông K cũng đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định trong bản án nhưng phần quyết định không ghi là có thiếu sót nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung phần này.

+ Đề nghị tính lại án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông K, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Liêu Tuấn K làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

Bà Võ Thị N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Liêu Ngọc Ý N, Sacombank đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N1, bà Nhi và Sacombank.

[2] Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ thì vào năm 1998 cha mẹ ông K có cho ông K thừa đất số 400-17, tờ bản đồ số 4K tại địa chỉ A, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, ông K và bà T đã xây dựng nhà cấp 4 trên thửa đất này và sử dụng nhà đất ổn định liên tục, phía gia đình ông K không ai phản đối việc xây dựng này. Năm 2004 tại Bản kê khai nhà, đất và Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 01/10/2004 ông K với tư cách là người khai đã khai ông K và bà T là chủ sở hữu nhà đất A và xin cấp giấy cho ông K và bà T, thể hiện việc ông K đồng ý sáp nhập nhà đất A thành tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất A là tài sản chung của ông K và bà T là đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông K là người nhập khối tài sản riêng vào khối tài sản chung của vợ chồng, coi ông K là người có công sức đóng góp nhiều hơn là đúng, nhưng chia cho ông K hưởng 6/10 trị giá nhà đất A, chia cho bà T hưởng 4/10 trị giá nhà đất A là chưa phù hợp. Vì ngoài lý do trên thì từ khi ly hôn năm 2012 cho đến nay ông K là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất A và trong suốt thời gian qua ông K là người bỏ chi phí sửa chữa nhà khi bị hư hỏng, nên chia cho ông K hưởng 07/10 trị giá nhà đất A, chia cho bà T hưởng 03/10 trị giá nhà đất A thì phù hợp hơn.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông K và bà T có trách nhiệm phải trả nợ cho bà N1, nhưng không trừ đi nghĩa vụ phải thanh toán trước khi chia tài sản chung là không đúng. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại tài sản chung của ông K và bà T còn lại sau khi trả nợ là (5.340.724.535 đồng - 250.000.000 đồng) = 5.090.724.535 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K, chia cho ông K được hưởng 07/10 giá trị nhà đất A, tương đương 3.563.507.174 đồng, bà T hưởng 03/10 trị giá nhà đất A, tương đương 1.527.217.361 đồng.

[3] Căn cứ vào “Giấy tay mượn tiền” ngày 01/3/2011, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định ông K và bà T có vay của bà N1 500.000.000 đồng và khoản vay trên là nghĩa vụ chung của ông K và bà T là đúng.

Tuy nhiên, theo đơn yêu cầu độc lập của bà N1 thì mặc dù bà N1 chỉ yêu cầu một mình ông K phải trả 250.000.000 đồng, nhưng do đây là trách nhiệm liên đới của vợ chồng nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc bà T phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ với ông K là không đúng. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc ông K và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho bà N1 số tiền 250.000.000 đồng.

[4] Ngày 30/5/2017 bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc buộc ông K cùng với bà T cùng trả số nợ 300.000.000 đồng cho Sacombank, ông K cũng đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định trong bản án nhưng phần quyết định không ghi đình chỉ giải quyết một phần đối với yêu cầu này là có thiếu sót, nên Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung phần này.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Ngô Thị Thanh T phải nộp án phí đối với giá trị phần tài sản được hưởng là 57.816.520 đồng.

+ Ông Liêu Tuấn K phải nộp án phí đối với giá trị phần tài sản được hưởng là 103.270.143 đồng

+ Ông Liêu Tuấn K và bà Ngô Thị Thanh T phải chịu trách nhiệm liên đới nộp án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 12.500.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản bản án sơ thẩm, nên ông Liêu Tuấn K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 217, Điều 218, khoản 2, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 27, Điều 37, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm b khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 1263/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh T.

1.1.1. Xác định nhà, đất thuộc thửa đất số 400-17, tờ bản đồ số 4K (sơ đồ nền), diện tích đất là 129,4m², diện tích xây dựng là 89,5m², kết cấu nhà: tường gạch mái tôn tại địa chỉ A, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 12099 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ chí Minh cấp ngày 15/11/2004 là tài sản chung của bà Ngô Thị Thanh T và ông Liêu Tuấn K.

1.1.2. Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp (nay là Chi nhánh Quận 12) - Phòng giao dịch Chợ Cầu phải giao nộp cho Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật 04 giấy tờ sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 12099 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2004 mang tên ông Liêu Tuấn K và bà Ngô Thị Thanh T (bản chính);

+ Thông báo nộp lệ phí trước bạ ngày 27/12/2004 (bản chính);

+ Thông báo về nộp tiền sử dụng đất ngày 27/12/2004 (bản chính);

+ Bản vẽ ngày 27/12/2004 (bản chính).

1.1.3. Chia cho ông Liêu Tuấn K 70%, tương đương 3.563.507.174 đồng (ba tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy ngàn một trăm bảy mươi bốn) đồng, chia cho bà Ngô Thị Thanh T 30%, tương đương 1.527.217.361 (một tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu hai trăm mười bảy ngàn ba trăm sáu mươi một) đồng trị giá nhà, đất thuộc thửa đất số 400-17, tờ bản đồ số 4K (sơ đồ nền), diện tích đất là 129,4m², diện tích xây dựng là 89,5m², kết cấu nhà: tường gạch mái tôn tại địa chỉ A, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 12099 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ chí Minh cấp ngày 15/11/2004.

1.1.4. Ông Liêu Tuấn K có trách nhiệm thanh toán ngay cho bà Ngô Thị Thanh T số tiền 1.527.217.361 (một tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu hai trăm mười bảy ngàn ba trăm sáu mươi một) đồng.

1.1.5. Giao cho ông Liêu Tuấn K được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 400-17, tờ bản đồ số 4K (sơ đồ nền), diện tích đất là 129,4m², diện tích xây dựng là 89,5m², kết cấu nhà: tường gạch mái tôn tại địa chỉ A, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 12099 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ chí Minh cấp ngày 15/11/2004.

1.1.6. Ông Liêu Tuấn K có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà, đất thuộc thửa đất số 400-17, tờ bản đồ số 4K (sơ đồ nền), diện tích đất là 129,4m², diện tích xây dựng là 89,5m², kết cấu nhà: tường gạch mái tôn tại địa chỉ A, phường Đông Hưng T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 12099 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2004, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Võ Thị N1.

Buộc ông Liêu Tuấn K và bà Ngô Thị Thanh T có trách nhiệm liên đới trả ngay cho bà Võ Thị N1 số tiền là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện việc trả các số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

1.3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh T về việc buộc ông Liêu Tuấn K cùng với bà Ngô Thị Thanh T trả số nợ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

1.4. Về án phí:

1.4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm là 57.816.520 (năm mươi bảy triệu tám trăm mười sáu ngàn năm trăm hai mươi) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.500.000 (ba mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2014/0006554 ngày 09/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thị Thanh T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.316.520 (hai mươi sáu triệu ba trăm mười sáu ngàn năm trăm hai mươi) đồng.

- Ông Liêu Tuấn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 103.270.143 (một trăm lẻ ba triệu hai trăm bảy mươi ngàn một trăm bốn mươi ba) đồng.

- Ông Liêu Tuấn K và bà Ngô Thị Thanh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

- Trả lại cho bà Võ Thị N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0023134 ngày 04/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Trả lại cho ông Liêu Tuấn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0045330 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND Quận 12;
- VKSND Quận 12;
- Chi Cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu: TGD, hồ sơ, TB (25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình